

NHU CẦU TƯ VẤN CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT ĐẠI HỌC VÙNG THÁI NGUYÊN

ĐINH ĐỨC HỢI

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 07/10/2025. Sửa chữa xong 13/11/2025. Duyệt đăng 15/11/2025.

Abstract

This study aims to identify and assess the counseling needs of first-year students at Thai Nguyen University (TNU), a major regional university in Vietnam. Transitioning from high school to university, students encounter significant challenges related to administrative procedures, new learning methods, and personal life management. Using a mixed-methods approach—quantitative surveys of 300 students and in-depth interviews with 10 students from five member universities—the study reveals that the highest counseling needs relate to physical and mental safety (average 4.5/5.0), study methods (4.3/5.0), and time management skills (4.2/5.0), while needs concerning application documents have improved. The paper proposes solutions to strengthen an integrated counseling system, with emphasis on mental health and self-management skills, to enhance first-year students' learning experiences and adaptability.

Keywords: Adaptation, counseling needs, first-year students, self-management skills, Thai Nguyen University.

1. Đặt vấn đề

Nhu cầu là sự đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của con người về vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển. Nhu cầu là động lực thúc đẩy hành động của con người, từ những nhu cầu cơ bản như thức ăn, nước uống, nơi ở đến những nhu cầu cao cấp hơn như an toàn, tình yêu, tôn trọng và tự khẳng định bản thân. Để xây dựng một hệ thống hỗ trợ sinh viên (SV) hiệu quả, trước hết cần xác định rõ nền tảng lý luận về nhu cầu. Nhu cầu là động lực cơ bản thúc đẩy hành vi của con người (Ihensekien, O. A., & Joel, A. C. 2023), (Jerome, N. 2013). Nhu cầu được định nghĩa là trạng thái đòi hỏi, mong muốn của cá nhân đối với những điều kiện nhất định để được tồn tại và phát triển (Button, A. L., Iwachiw, J., & Atlas, J. G. 2019). Đối với SV mới, nhu cầu bao gồm các yếu tố cơ bản (như ăn, ở, đi lại) và các yếu tố phát triển (như học tập, kỹ năng, tâm lý xã hội) (Bibi, N. 2023).

Nhu cầu của SV năm nhất được hiểu là tổng thể những đòi hỏi mang tính tâm lý – xã hội và học tập mà SV mới bước vào môi trường đại học cần được thỏa mãn để thích nghi, phát triển và đạt được các mục tiêu học tập – nghề nghiệp.

Một số nhóm nhu cầu của SV năm nhất: Nhu cầu học tập, hiểu biết về phương pháp học đại học, quản lý thời gian, kỹ năng tự học, tiếp cận nguồn tài liệu học tập, định hướng ngành nghề; Nhu cầu tâm lý – cảm xúc, giảm căng thẳng, vượt qua lo âu chuyển tiếp, tìm kiếm sự hỗ trợ tinh thần, khẳng định bản thân trong môi trường mới; Nhu cầu xã hội, mở rộng quan hệ bạn bè, gia nhập các nhóm – câu lạc bộ, thiết lập mạng lưới hỗ trợ xã hội; Nhu cầu thích nghi cuộc sống, học cách sống tự lập, quản lý tài chính cá nhân, thích nghi với ký túc xá hoặc chỗ ở mới, cân bằng giữa học tập và sinh hoạt; Nhu cầu định hướng giá trị – nghề nghiệp, xác định mục tiêu học tập dài hạn, định hình động cơ nghề nghiệp, tìm kiếm sự tư vấn về lựa chọn học phần và lộ trình học.

Trong bối cảnh giáo dục đại học, nhu cầu tư vấn của SV năm nhất là sự mong muốn tìm kiếm sự hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn từ nhà trường hoặc các nguồn chính thống nhằm giải quyết những khó

Email: hoidd@tnue.edu.vn

khản, vướng mắc trong quá trình chuyển tiếp và thích nghi (Faix, A., MacDonald, A., & Taxakis, B. 2014), (Guth, L., & Dennis, B. 2024). Đây là một nhu cầu phát sinh khi SV năm nhất phải đối mặt với các khoảng trống về thông tin, kỹ năng và tâm lý. Việc đáp ứng kịp thời nhu cầu tư vấn này có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giúp SV ổn định tâm lý mà còn tạo tiền đề vững chắc cho kết quả học tập và phát triển cá nhân (Quinco-Cadosales, M. N. 2017).

Quá trình chuyển tiếp từ môi trường giáo dục phổ thông sang môi trường đại học là một giai đoạn bản lề, mang tính thử thách cao đối với mọi tân SV. Tại Việt Nam, đặc biệt là tại các đại học vùng như Đại học Thái Nguyên, sự đa dạng về nền tảng gia đình, địa lý và kinh tế của SV càng làm tăng thêm tính phức tạp của quá trình thích nghi này.

Một số nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng việc thiếu hụt thông tin và kỹ năng thích nghi là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng căng thẳng, lo âu và thậm chí là bỏ học ở SV năm nhất (Skerritt, C. 2024). Theo đó, SV mới thường cần sự hỗ trợ toàn diện trên nhiều phương diện. Về mặt học thuật, họ cần làm quen với phương pháp học tập chủ động, tự nghiên cứu và hệ thống tin chỉ hoàn toàn khác biệt so với cấp 3 (Chircu, S. 2014). Về mặt xã hội và cá nhân, thách thức lớn nhất là việc tự quản lý cuộc sống, từ quản lý thời gian, chi tiêu, đến việc tìm kiếm chỗ ở và đảm bảo an toàn thể chất và tinh thần thường là trong một trung tâm mới, có thể là tỉnh mới (Crockett, S. A., & Hays, D. G. 2011).

Tại Đại học Thái Nguyên, nơi tập trung nhiều trường đại học đa ngành nghề, công tác tuyển sinh và hỗ trợ tân SV đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ. Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ hiện tại chủ yếu tập trung vào thủ tục nhập học và thông tin trường lớp ban đầu, có thể chưa bao quát hết được các nhu cầu sâu hơn về tâm lý và kỹ năng sống. Cần nhấn mạnh rằng, việc xây dựng mô hình tư vấn hiệu quả cần dựa trên việc đánh giá chính xác các nhu cầu cụ thể của người học theo từng thời điểm.

Trong bối cảnh đẩy mạnh tự chủ đại học và hội nhập quốc tế, vai trò của công tác tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ người học càng được nâng cao (Schuler, J., & Dykema, S. 2018). Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã có khuyến nghị các trường tăng cường dịch vụ hỗ trợ tâm lý xã hội để đối phó với áp lực học tập và cuộc sống ngày càng lớn, cũng như sự ổn định nhanh chóng cho SV năm nhất mới vào trường. Đặc biệt, nhu cầu về kỹ năng sống và khả năng tự chăm sóc sức khỏe tinh thần, sự an toàn thể chất và tâm lý đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, nhất là sau các biến cố xã hội gần đây (đại dịch Covid-19, thiên tai...). Việc thiếu thông tin về trường học, các quy định nội bộ và môi trường xung quanh cũng là rào cản lớn đối với tân sinh viên (Lattie, E. G., Hersch, E., Taple, B. J., & Lakhtakia, T. 2020).

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu: Xác định mức độ quan trọng và mức độ đáp ứng hiện tại đối với 8 nhóm nhu cầu tư vấn cụ thể của SV mới năm nhất Đại học Thái Nguyên (SV năm nhất); Cung cấp dữ liệu thực tế và khoa học để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống tư vấn và hỗ trợ SV tại Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên; Với tổng quan học thuật trên, nghiên cứu kỳ vọng sẽ đóng góp vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ SV, giúp tân SV Đại học Thái Nguyên có sự khởi đầu thuận lợi nhất.

2. Tổ chức khảo sát

2.1. Khách thể khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện trên tổng cộng 300 SV mới năm nhất (năm học 2025–2026) thuộc 5 trường đại học thành viên Đại học Thái Nguyên: Trường Đại học Sư phạm (TNUE); Trường Đại học Y Dược (TUMP); Trường Đại học Nông Lâm (TUAF); Trường Đại học Khoa học (TNUS); Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh (TUEBA).

Số lượng SV khảo sát được phân bố đồng đều giữa các trường (mẫu ngẫu nhiên).

Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 10 SV (mỗi trường 2 SV) để thu thập dữ liệu định tính, làm rõ các ý kiến cá nhân về nhu cầu tư vấn của SV năm nhất, những khó khăn mà SV gặp phải khi mới nhập học đại học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp hai nhóm phương pháp:

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Sử dụng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ (từ 1: Hoàn toàn không cần thiết 5: Rất cần thiết) để đánh giá mức độ nhu cầu tư vấn đối với 8 nhóm nội dung đã được xác định. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê (SPSS) để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và phân tích phương sai.

Phương pháp nghiên cứu định tính: Thực hiện phỏng vấn sâu 10 SV. Các câu hỏi tập trung vào kinh nghiệm tìm kiếm thông tin, những khó khăn thực tế khi chuyển tiếp và mong muốn về hình thức hỗ trợ từ nhà trường. Các trích dẫn phỏng vấn được mã hóa (Ví dụ: SV1-SP: Sinh viên 1, Trường Đại học Sư phạm) để bảo đảm tính ẩn danh và được sử dụng để minh họa, làm sâu sắc thêm các kết quả định lượng.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát phân tích dữ liệu 300 SV (định lượng) và các trích dẫn thông tin từ 10 cuộc phỏng vấn sâu (định tính), theo 8 nhóm nhu cầu tư vấn thu được:

TT	Nội dung nhu cầu	Mức độ					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Nhu cầu tư vấn về hồ sơ nhập học								
	Hướng dẫn chuẩn bị giấy tờ	0	0	0	0.02	35.7	3.65	0.81	21
	Quy trình nộp hồ sơ trực tuyến/trực tiếp	0	0	0	0.01	30.3	3.52	0.77	22
2	Nhu cầu tư vấn về trường học trúng tuyển								
	Thông tin chi tiết về Khoa/Ngành	0	0	0	0	55.0	4.02	0.95	16
	Cơ sở vật chất (Thư viện, phòng lab)	0	0	0	0	48.3	3.91	0.88	18
	Hoạt động Đoàn/Hội SV	0	0	0.05	0	58.7	4.15	0.85	10
3	Nhu cầu tư vấn về phương pháp học tập								
	Kỹ năng tự học và nghiên cứu	0	0	0.04	0	75.3	4.35	0.70	4
	Phương pháp học theo tín chỉ	0	0	0	0	68.7	4.19	0.75	9
	Kỹ năng làm việc nhóm/thuyết trình	0	0	0.05	0	65.0	4.08	0.65	14
4	Nhu cầu tư vấn về kỹ năng quản lý thời gian								
	Cân bằng giữa học tập và hoạt động	0	0	0	0	70.0	4.30	0.78	5
	Sử dụng công cụ lập kế hoạch (Apps, sổ tay)	0	0	0	0.02	65.3	4.10	0.82	12
	Xác định ưu tiên và tránh trì hoãn	0	0	0	0	72.7	4.37	0.65	3
5	Nhu cầu tư vấn về chỗ ở								
	Thông tin về ký túc xá và thủ tục	0	0	0	0.06	58.7	4.05	0.80	13
	Tìm kiếm nhà trọ an toàn, giá cả hợp lý	0	0	0.02	0	65.0	4.21	0.85	8
	Hướng dẫn ký kết hợp đồng thuê trọ	0	0	0	0	52.0	3.99	0.90	17
6	Nhu cầu tư vấn về phương tiện di chuyển								
	Thông tin về tuyến xe buýt/phương tiện công cộng	0	0	0	0.09	50.0	3.89	0.75	19
	Hướng dẫn thuê/mua xe đạp, xe máy an toàn	0	0.02	0	0	42.7	3.75	0.81	20
7	Nhu cầu tư vấn về kế hoạch chi tiêu								
	Lập ngân sách và quản lý chi tiêu cá nhân	0	0	0	0.02	68.7	4.22	0.77	7
	Tìm kiếm việc làm thêm an toàn, uy tín	0	0	0	0.05	70.3	4.30	0.80	5
	Thông tin học bổng, vay vốn SV	0	0	0	0.13	59.3	4.10	0.88	12
8	Nhu cầu tư vấn về an toàn thể chất và tinh thần								
	Kỹ năng tự bảo vệ (an ninh khu vực)	0	0	0.01	0.05	75.7	4.41	0.60	2
	Quản lý căng thẳng, lo âu (Stress, Anxiety)	0	0	0.02	0	85.0	4.50	0.55	1
	Thông tin về y tế học đường/bảo hiểm	0	0	0	0.09	65.3	4.15	0.70	10

3.1. Nhu cầu tư vấn về hồ sơ nhập học

Nhu cầu tư vấn về thủ tục và hồ sơ nhập học thường là nhu cầu đầu tiên nhưng đơn giản nhất. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay, nhiều thông tin đã được SV cập nhật nhanh chóng, kết quả khảo sát cho thấy:

Với điểm TB chung là 3.65 hạng 21/22 và 3.52 hạng 22/22, nhu cầu này được xếp hạng thấp nhất trong 8 nhóm. Điều này phản ánh hiệu quả của công tác truyền thông và hướng dẫn nhập học trực tuyến từ các trường thuộc Đại học Thái Nguyên. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 30-35% SV bày tỏ nhu cầu “Rất cần thiết” đối với việc chuẩn bị giấy tờ.

Kết hợp phỏng vấn SV5-NL (ĐH Nông Lâm) chia sẻ: “Em thấy thông tin về hồ sơ năm nay rất rõ ràng trên website. Cái khó nhất là xác định giấy tờ nào cần công chứng. Em chỉ cần một check-list chi tiết hơn nữa.” SV9-KT (ĐH Kinh tế và QTKD): “Nhu cầu của em là xác nhận thời gian nộp học phí chính xác, vì mỗi trường có vẻ khác nhau một chút. Em nghĩ nên chẳng có một lịch thống nhất chung của Đại học Thái Nguyên”.

3.2. Nhu cầu tư vấn về trường học trúng tuyển

Đây là nhu cầu cần thiết để SV hình dung về môi trường học tập mới, bao gồm cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và các hoạt động ngoại khóa. Kết quả khảo sát cho thấy:

Nhu cầu về thông tin hoạt động Đoàn/Hội (TB = 4.15 hạng 10/22) được đánh giá cao, cho thấy tân SV có nhu cầu kết nối xã hội và tìm kiếm cơ hội phát triển kỹ năng mềm. Nhu cầu về thông tin chi tiết chuyên ngành cũng ở mức cao (TB = 4.02 hạng 16/22), thể hiện sự lo lắng về việc lựa chọn ngành học.

Kết quả phỏng vấn: SV2-SP (ĐH Sư phạm) cho biết: “Em muốn biết kỹ hơn về các câu lạc bộ (CLB) học thuật của Khoa em học, không chỉ CLB Văn nghệ. Nếu có người hướng dẫn cách tham gia và làm quen với các anh chị khóa trên thì tuyệt vời.” SV8-KH (ĐH Khoa học): “Em lo lắng nhất là Thư viện. Em muốn biết chính xác cách mượn sách, truy cập các cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ việc học”.

3.3. Nhu cầu tư vấn về phương pháp học tập

Phương pháp học đại học đòi hỏi tính tự giác và chủ động rất cao. Do đó, nhu cầu được hướng dẫn phương pháp học tập mới là một trong những nhu cầu cốt lõi, kết quả khảo sát cho thấy:

Nhu cầu tư vấn về kỹ năng tự học và nghiên cứu đứng thứ hai về mức độ cần thiết (TB = 4.35 hạng 4/22). Điều này khẳng định sự thiếu tự tin của SV trong việc chuyển đổi sang phương thức học tập độc lập. Nhu cầu về Phương pháp học theo tín chỉ (TB = 4.19 hạng 9/22) cũng rất cao, cho thấy SV cần được định hướng rõ ràng về việc đăng ký môn học và tích lũy kiến thức.

SV3-YD (ĐH Y - Dược) cho rằng: “Khối lượng kiến thức ở Trường Đại học Y-Dược rất lớn. Em cần biết làm thế nào để đọc sách hiệu quả, cách ghi chép và cách tự lên lịch ôn tập cho phù hợp với đặc thù ngành.” SV1-SP (ĐH Sư phạm): “Em sợ nhất là thuyết trình. Em cần được hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế slide, cách trình bày ý tưởng trước đám đông sao cho tự tin và khoa học”.

3.4. Nhu cầu tư vấn về kỹ năng quản lý thời gian

Quản lý thời gian là kỹ năng thiết yếu khi SV phải cân bằng giữa học tập, hoạt động ngoại khóa và cuộc sống cá nhân mà không có sự giám sát thường xuyên, kết quả khảo sát cho thấy:

Nhu cầu về xác định ưu tiên và tránh trì hoãn đạt điểm rất cao (TB = 4.37 hạng 3/22), xếp hạng thứ hai trong các nhóm nhu cầu. Điều này chứng tỏ tân SV cảm thấy lúng túng khi phải tự mình sắp xếp khối lượng công việc khổng lồ mà không có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm như cấp 3.

Kết hợp phỏng vấn: SV4-YD (ĐH Y - Dược): “Em không biết làm sao để vừa học, vừa đi làm thêm cuối tuần, lại còn tham gia CLB nữa. Em cần một mô hình quản lý thời gian cụ thể cho sinh viên đại học, không phải kiểu sách vở.” SV7-KH (ĐH Khoa học): “Em hay bị xao nhãng bởi mạng xã hội. Em muốn được tư vấn về cách thiết lập ranh giới để tập trung vào việc học, tránh sự trì hoãn”.

3.5. Nhu cầu tư vấn về chỗ ở

Đối với SV từ tỉnh xa, việc tìm kiếm chỗ ở an toàn, thuận tiện và phù hợp với khả năng chi trả là một

trong những ưu tiên hàng đầu ngay năm nhất. Kết quả khảo sát cho thấy:

Nhu cầu tư vấn về tìm kiếm nhà trọ an toàn và giá cả hợp lý (TB = 4.21 hạng 8/22) cao hơn so với nhu cầu về Ký túc xá (KTX) (TB = 4.05 hạng 13/22), cho thấy phần lớn SV chấp nhận ở trọ bên ngoài. Việc này đặt ra yêu cầu về việc thiết lập các kênh thông tin chính thống về nhà trọ được thẩm định.

Kết quả phỏng vấn: SV6-NL (ĐH Nông Lâm): “Em ở tỉnh xa, lên thành phố em không biết khu nào an ninh tốt, khu nào thường xảy ra trộm cắp. Em cần một danh sách những khu trọ tin cậy do nhà trường giới thiệu, chứ tự tìm rất rủi ro.” SV10-KT (ĐH Kinh tế và QTKD): “Năm ngoái bạn em bị chủ trọ gây khó dễ khi hết hợp đồng, nâng tiền cao. Em rất cần được hướng dẫn các điều khoản pháp lý cơ bản khi ký hợp đồng thuê trọ”.

3.6. Nhu cầu tư vấn về phương tiện di chuyển

Thái Nguyên là trung tâm giáo dục và đào tạo lớn của Việt Nam, diện tích rộng, SV cần có phương tiện di chuyển phù hợp để đi học, đi làm thêm và sinh hoạt. Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả:

Nhu cầu về thông tin tuyến xe buýt/phương tiện công cộng (TB = 3.89 hạng 19/22) cao hơn nhu cầu về phương tiện cá nhân, cho thấy xu hướng tiết kiệm chi phí và ưu tiên phương tiện giao thông công cộng của tân SV năm nhất.

Khi phỏng vấn: SV9-KT (ĐH Kinh tế và QTKD) cho rằng: “Em không mang xe máy lên, nên em muốn biết lộ trình các tuyến xe buýt từ KTX đến trường và giá vé sinh viên. Em nghĩ thông tin này nên được tổng hợp lại ngay trong ngày nhập học”.

3.7. Nhu cầu tư vấn về kế hoạch chi tiêu

Quản lý tài chính cá nhân là một trong những kỹ năng tự lập khó nhất. SV phải tự cân đối thu chi hàng tháng từ tiền hỗ trợ của gia đình hoặc thu nhập làm thêm. Kết quả khảo sát cho thấy:

Nhu cầu về Tìm kiếm việc làm thêm an toàn, uy tín (TB = 4.30 hạng 5/22) và Lập ngân sách và quản lý chi tiêu (TB = 4.22 hạng 7/22) đều nằm trong nhóm nhu cầu cao. SV không chỉ cần biết cách kiếm tiền mà còn cần biết cách quản lý tiền để tránh rơi vào tình trạng thiếu thốn tài chính.

Kết hợp phỏng vấn: SV1-SP (ĐH Sư phạm): “Em lo lắng nhất là bị lừa khi đi tìm việc làm thêm. Em muốn trường có một kênh giới thiệu việc làm đã được kiểm duyệt, để mình yên tâm hơn.” SV5-NL (ĐH Nông Lâm): “Em không biết nên chi bao nhiêu cho ăn uống, bao nhiêu cho sách vở. Nếu có một buổi hướng dẫn cách lập ngân sách theo từng tháng thì sẽ rất hữu ích”.

3.8. Nhu cầu tư vấn về an toàn thể chất và tinh thần

Đây là nhóm nhu cầu quan trọng nhất trong hệ thống nhu cầu của SV năm nhất, liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tâm lý của SV, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi đầy áp lực. Kết quả cho thấy:

Nhu cầu về Quản lý căng thẳng, lo âu (Stress, Anxiety) đạt điểm trung bình cao nhất (TB = 4.50 hạng 1/22) trong toàn bộ khảo sát và có độ lệch chuẩn thấp nhất (ĐLTC = 0.55), cho thấy đây là nhu cầu bức thiết và đồng nhất nhất của tân SV. Điều này phản ánh áp lực tâm lý lớn khi bước vào môi trường đại học. Nhu cầu về Kỹ năng tự bảo vệ cũng rất cao (TB = 4.41 hạng 2/22).

Chúng tôi phỏng vấn: SV3-YD (ĐHY - Dược): “Em rất lo lắng về việc học, em mất ngủ thường xuyên. Em muốn biết trường có phòng tư vấn tâm lý không và em có thể gặp chuyên gia một cách bí mật không.” (Nhu cầu số 1 về mức độ cần thiết) SV8-KH (ĐH Khoa học): “Em là nữ ở trọ một mình. Em cần được cảnh báo về những khu vực nhạy cảm, cách phòng tránh trộm cắp hoặc tệ nạn xã hội xung quanh trường.” SV4-YD (ĐHY Dược): “Em cảm thấy cô đơn vì mọi người đều có nhóm bạn của họ. Em cần người tư vấn cách xây dựng mối quan hệ mới và thoát khỏi cảm giác lo âu xã hội”, cùng với đó là các nhu cầu an toàn liên quan đến lừa đảo trực tiếp và trực tuyến qua mạng, chúng em cần thông tin chi tiết.

4. Đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu của sinh viên năm nhất Đại học Thái Nguyên

SV năm nhất là nhóm đối tượng đang trong giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ bậc phổ thông sang môi trường đại học. Họ phải đối mặt với nhiều thay đổi trong học tập, sinh hoạt, mối quan hệ và

định hướng nghề nghiệp. Việc đáp ứng nhu cầu tư vấn cho nhóm này không chỉ góp phần giúp SV thích nghi hiệu quả mà còn là yếu tố bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và phát triển bền vững của nhà trường. Dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn và tham khảo các mô hình tư vấn hiệu quả trên thế giới, nhóm nghiên cứu đề xuất ba giải pháp chủ đạo sau:

4.1. Xây dựng Trung tâm tư vấn tâm lý ẩn danh (Confidential Counseling Center)

Đây là giải pháp nền tảng nhằm đáp ứng nhu cầu tư vấn tâm lý, cảm xúc và hỗ trợ cá nhân cho SV năm nhất. Trung tâm tư vấn ẩn danh được thiết kế dựa trên nguyên tắc bảo mật, tôn trọng quyền riêng tư và tính tự nguyện của SV. Theo Kampwirth & Powers (2012), mô hình tư vấn học đường hiện đại phải đảm bảo tính bảo mật và khả năng tiếp cận dễ dàng, giúp người học cảm thấy an toàn khi chia sẻ các vấn đề nhạy cảm. Nghiên cứu gần đây của Newman & Rosenfield (2024) cũng nhấn mạnh rằng dịch vụ tư vấn trong môi trường giáo dục cần được xây dựng trên nền tảng tin cậy, ẩn danh và ứng dụng công nghệ để mở rộng khả năng tiếp cận.

Trung tâm tư vấn tâm lý ẩn danh có thể hoạt động theo hai hình thức song song: 1) Tư vấn trực tiếp tại văn phòng và 2) Tư vấn trực tuyến ẩn danh qua nền tảng bảo mật (ví dụ: website nội bộ, ứng dụng chat ẩn danh của trường). SV. Đội ngũ tư vấn viên cần được tuyển chọn từ các chuyên gia tâm lý học đường, giảng viên có đào tạo về tâm lý học, hoặc cộng tác viên được huấn luyện kỹ năng lắng nghe – phản hồi – hỗ trợ khủng hoảng.

Ngoài ra, trung tâm cần tổ chức các chiến dịch truyền thông nội bộ nhằm giảm định kiến về việc tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý (mental health stigma). Nhiều sinh viên, đặc biệt là SV năm nhất, thường e ngại rằng việc đến gặp chuyên viên tư vấn đồng nghĩa với “có vấn đề tâm lý”, dẫn đến tình trạng né tránh hoặc che giấu khó khăn. Do đó, việc bình thường hóa hành vi tìm kiếm sự trợ giúp là một nhiệm vụ quan trọng. Nhà trường có thể tổ chức các hội thảo chuyên đề, video tuyên truyền hoặc chuyên mục “Tâm lý học đường” trên mạng xã hội của trường để lan tỏa thông điệp: “Tư vấn là cách giúp bạn hiểu mình hơn, không phải là yếu đuối”.

Trung tâm cũng nên phối hợp với các khoa, bộ môn và Đoàn – Hội sinh viên để phát hiện sớm các trường hợp có dấu hiệu căng thẳng, khủng hoảng học tập hoặc xung đột quan hệ. Việc xây dựng cơ chế phản hồi hai chiều giữa giảng viên cố vấn học tập và trung tâm tư vấn sẽ giúp quá trình hỗ trợ sinh viên trở nên toàn diện, kịp thời và có tính hệ thống.

4.2. Tăng cường Chương trình Mentorship – Sinh viên cũ kèm sinh viên mới

Bên cạnh tư vấn chuyên môn từ đội ngũ chuyên gia, một hình thức hỗ trợ mang tính gần gũi và hiệu quả đối với SV năm nhất là mô hình “Peer Mentorship” – SV khóa trên đồng hành cùng SV mới. Chương trình này không chỉ giúp tân SV thích nghi với môi trường học tập mà còn xây dựng mạng lưới hỗ trợ xã hội tích cực, giảm cảm giác cô lập trong giai đoạn đầu nhập học.

Theo Skerritt (2024), chương trình Mentorship có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực học tập tự định hướng, quản lý thời gian và lập kế hoạch nghề nghiệp cho SV. Tương tự, nghiên cứu của Lattie và cộng sự (2020) chỉ ra rằng sự hỗ trợ từ bạn đồng trang lứa giúp SV mới giảm đáng kể mức độ căng thẳng, tăng cảm giác gắn kết với trường và nâng cao sự tự tin trong học tập.

Chương trình Mentorship có thể được tổ chức theo mô hình “một – một” (1 mentor kèm 1 mentee) hoặc “một – nhóm nhỏ” (1 mentor hỗ trợ 3–5 V). Các mentor là SV năm hai, ba hoặc bốn, được lựa chọn dựa trên thành tích học tập, khả năng giao tiếp và tinh thần trách nhiệm. Trước khi tham gia, mentor cần được tập huấn về kỹ năng hướng dẫn, lắng nghe tích cực, xử lý tình huống và bảo mật thông tin cá nhân của mentee.

Nội dung hỗ trợ của chương trình nên bao gồm: Kỹ năng học tập đại học: hướng dẫn cách đọc tài liệu, chuẩn bị bài, ghi chép, tham gia thảo luận. Kỹ năng quản lý thời gian: lên kế hoạch học tập – nghỉ ngơi – tham gia hoạt động ngoại khóa. Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân: chia sẻ kinh nghiệm tiết kiệm chi tiêu, tìm việc làm thêm an toàn. Thích nghi tâm lý – xã hội: giúp tân sinh viên kết nối bạn bè, tham

gia các câu lạc bộ, hòa nhập môi trường mới.

Để duy trì tính bền vững, chương trình cần có cơ chế ghi nhận và khen thưởng mentor, ví dụ: cộng điểm rèn luyện, chứng nhận tham gia, hoặc ghi nhận hoạt động ngoại khóa. Điều này không chỉ khuyến khích sinh viên tích cực tham gia mà còn tạo động lực lan tỏa tinh thần hỗ trợ lẫn nhau trong toàn trường.

4.3. Thiết lập Cổng thông tin an toàn và việc làm dành cho sinh viên

Một nhu cầu thiết yếu khác của SV năm nhất là tìm kiếm thông tin đáng tin cậy về chỗ ở, việc làm thêm và an toàn cá nhân. Thực tế cho thấy, nhiều tân sinh viên khi mới nhập học thường gặp khó khăn trong việc chọn nhà trọ phù hợp, thiếu kinh nghiệm nhận diện các hình thức lừa đảo việc làm hoặc các rủi ro an ninh. Do đó, việc thiết lập một Cổng thông tin chính thức, được nhà trường thẩm định và cập nhật thường xuyên là giải pháp quan trọng nhằm bảo vệ SV khỏi các nguy cơ này.

Cổng thông tin an toàn và việc làm (Safety & Career Portal) sẽ đóng vai trò như một nền tảng số tích hợp, nơi SV có thể truy cập để: Tra cứu danh sách nhà trọ được xác minh, có đầy đủ thông tin về giá cả, vị trí, điều kiện an toàn, hợp đồng mẫu; Tìm kiếm việc làm thêm uy tín, được doanh nghiệp đối tác của trường đăng tải và đã qua kiểm định; Cập nhật cảnh báo an ninh khu vực, thông tin từ công an địa phương, hoặc cảnh báo về các thủ đoạn lừa đảo trực tuyến, tin dụng đen, tuyển dụng giả danh; Nhận tư vấn nghề nghiệp trực tuyến từ Phòng Công tác SV hoặc Trung tâm Hỗ trợ việc làm.

Hệ thống này cần đảm bảo các tiêu chí: 1) Độ tin cậy cao, thông tin được kiểm duyệt bởi cơ quan chức năng của trường; 2) Giao diện thân thiện, dễ tra cứu trên điện thoại; và 3) Cơ chế phản hồi nhanh, cho phép SV báo cáo sự cố hoặc đề xuất cập nhật.

Cổng thông tin cũng có thể liên kết với Trung tâm tư vấn tâm lý và Chương trình Mentorship, tạo thành một hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện cho SV năm nhất. Ví dụ, SV có thể đăng nhập bằng tài khoản trường để nhận gợi ý mentor phù hợp, đặt lịch tư vấn trực tuyến, hoặc theo dõi các khóa học kỹ năng mềm miễn phí.

Ngoài ra, nhà trường nên tăng cường hợp tác với chính quyền địa phương và doanh nghiệp uy tín, nhằm đảm bảo nguồn dữ liệu minh bạch và thường xuyên cập nhật. Việc công bố rộng rãi cổng thông tin này trên các kênh truyền thông chính thức của trường (website, fanpage, email SV) sẽ giúp tân SV nhanh chóng tiếp cận nguồn thông tin an toàn, đáng tin cậy.

5. Kết luận

Nghiên cứu bước đầu đã xác định được 8 nhóm nhu cầu tư vấn quan trọng của 300 SV năm nhất tại Đại học Thái Nguyên. Nhu cầu tâm lý là cấp thiết nhất: Nhu cầu tư vấn về Quản lý căng thẳng, lo âu (TB = 4.50) và Kỹ năng tự bảo vệ/An toàn (TB = 4.41) là hai nhu cầu được đánh giá cao nhất. Điều này cho thấy hệ thống hỗ trợ tâm lý của các trường thành viên cần được ưu tiên và cá nhân hóa; Nhu cầu về kỹ năng sống cốt lõi: Các nhu cầu về Kỹ năng quản lý thời gian (TB = 4.37) và Tìm kiếm việc làm thêm an toàn (TB = 4.30) chỉ đứng sau nhu cầu tâm lý, khẳng định vai trò của nhà trường trong việc trang bị kỹ năng tự lập cho SV; Hiệu quả của truyền thông cơ bản: Nhu cầu về Hồ sơ nhập học (TB < 3.7) ở mức thấp nhất, chứng tỏ các trường đã thực hiện tốt công tác truyền thông cơ bản ban đầu. Đồng thời đề xuất được ba nhóm giải pháp mang tính khả thi đó là: Xây dựng Trung tâm tư vấn tâm lý ẩn danh (Confidential Counseling Center); Tăng cường Chương trình Mentorship – Sinh viên cũ kèm SV mới; Thiết lập Cổng thông tin an toàn và việc làm dành cho SV.

Việc đáp ứng kịp thời các nhu cầu tư vấn này sẽ không chỉ giúp tân SV Đại học Thái Nguyên thích nghi nhanh chóng mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và công tác phục vụ người học của Đại học vùng lớn nhất miền Bắc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ihensekien, O. A., & Joel, A. C. (2023). *Abraham Maslow's hierarchy of needs and Frederick Herzberg's two-factor motivation theories: Implications for organizational performance*. The Romanian Economic Journal, 85, 32-49.
- [2] Jerome, N. (2013). *Application of the Maslow's hierarchy of need theory; impacts and implications on organizational culture, human resource and employee's performance*. International Journal of Business and Management Invention, 2(3), 39-45.
- [3] Button, A. L., Iwachiw, J., & Atlas, J. G. (2019). *An academic consultation model for college students with disabilities (Practice brief)*. Journal of Postsecondary Education and Disability, 32(2), 189–198.
- [4] Bibi, N. (2023). *Investigating the needs of students guidance and counseling at university level*. The Knowledge, 2(1), 9–18.
- [5] Faix, A., MacDonald, A., & Taxakis, B. (2014). *Research consultation effectiveness for freshman and senior undergraduate students*. Reference Services Review, 42(1), 4–15.
- [6] Guth, L., & Dennis, B. (2024). *Student stress and the research consultation: The effect of the research consultation on project stress and overall stress and applications for student wellness*. College & Research Libraries, 85(5), 739–754.
- [7] Quinco-Cadosales, M. N. (2017). *Students' experiences with academic consultation*. International Journal of Advanced Research, 5(5), 2092–2097.
- [8] Kampwirth, T. J., & Powers, K. M. (2012). *Collaborative consultation in the schools: Effective practices for students with learning and behavior problems* (4th ed.). Pearson.
- [9] Newman, D. S., & Rosenfield, S. A. (2024). *Building competence in school consultation: A developmental approach* (2nd ed.). Routledge.
- [10] Skerritt, C. (2024). *Consulting students on classroom practice, 'good' teaching and teacher performance: A critical account of student voice in contemporary schools*. Bloomsbury Academic.
- [11] Chircu, S. (2014). *Career counseling needs for students – A comparative study*. Procedia - Social and Behavioral Sciences, 127, 549–553.
- [12] Crockett, S. A., & Hays, D. G. (2011). *Understanding and responding to the career counseling needs of international college students on U.S. campuses*. Journal of College Counseling, 14(1), 5–20.
- [13] Lattie, E. G., Hersch, E., Taple, B. J., & Lakhtakia, T. (2020). *Aligning students and counseling centers on student mental health needs and treatment resources*. Journal of Consulting and Clinical Psychology, 88(3), 226–235.
- [14] Schuler, J., & Dykema, S. (2018). *Students with mental health needs: College counseling experiences and academic success*. Journal of College Student Development, 59 (1), 3–20.
-

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÁC PHẨM HÁT RU...

Tiếp theo trang 107

3. Kết luận

Hát ru là loại hình di sản âm nhạc dân gian giàu tính nhân văn không chỉ là tiếng hát yêu thương của người mẹ, người bà mà còn là phương tiện giáo dục tinh tế, góp phần hình thành nhân cách cho trẻ ngay từ những năm đầu đời. Do đó, việc khai thác và sử dụng các tác phẩm hát ru trong giáo dục mầm non, đặc biệt với trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi, giúp trẻ cảm nhận sâu sắc tình cảm gia đình, nuôi dưỡng lòng yêu thương, sự biết ơn và gắn bó với những người thân yêu. Thông qua hoạt động nghe hát và tích hợp trong các hoạt động chăm sóc - giáo dục khác, hát ru trở thành cầu nối cảm xúc giữa cô và trẻ, giữa trường học và gia đình. GV mầm non, với sự hiểu biết về giá trị nội dung và nghệ thuật của hát ru cần vận dụng linh hoạt trong quá trình tổ chức giáo dục để hát ru không chỉ là lời hát êm dịu mà còn là bài học sống động về tình người và đạo lý. Việc đưa hát ru trở lại trong môi trường giáo dục hiện đại chính là cách khơi dậy mạch nguồn văn hóa dân tộc, góp phần giáo dục thế hệ trẻ phát triển hài hòa về trí tuệ, cảm xúc và tâm hồn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chương trình Giáo dục Mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Bowlby, J. (1969). *Attachment and Loss, Vol.1: Attachment*. Basic Books.
- [3] Lê Thị Lan Anh (2018). *Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian đến phát triển cảm xúc của trẻ mầm non*. Tạp chí Giáo dục Mầm non, 3(2), 45-49.
- [4] Nguyễn Ánh Tuyết (2018). *Giáo dục học Mầm non*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Trần Văn Khê (1997). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Trehub, S. E. & Trainor, L. J. (2004). *Singing to Infants: Lullabies and Play Songs*. Psychology of Music.
- [7] Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*. Harvard University Press.